

THANH KHOẢN THẤP

*Câu chuyện hôm nay: Kết quả thay đổi
danh mục chỉ số VNDIAMOND, VN30 &
VNFIN LEAD kỳ Q4/2024*

BẢN TIN SÁNG 29/10/2024





ĐÃ CÓ
569 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Q3/2024

TRỰC QUAN HÓA biểu đồ
Trên **smartDragon**



smartDragon

NỀN TẢNG PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ SÁNG TẠO
XUẤT SẮC VIỆT NAM 2024

GIẢI THƯỞNG
GLOBAL BANKING & FINANCE



TRẢI NGHIỆM NGAY

NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

VN-Index 1254,8▲0,2% **VN30** 1328,3▲0,3% **HNX-Index** 224,6▲0,0%

- ❖ Thị trường có sắc xanh khi bước vào phiên giao dịch mới, một phần nhờ tác động từ diễn biến tăng điểm của thị trường chứng khoán Châu Á. Tuy nhiên, mức tăng điểm vẫn còn khá hạn chế và nhìn chung thị trường vẫn trọng trạng thái trầm lắng với biên dao động hẹp và nền thanh khoản thấp. Sau áp lực giảm điểm trong phiên chiều, thị trường được hỗ trợ và trở lại sắc xanh khi kết thúc phiên giao dịch.
- ❖ Với diễn biến lưỡng lự của thị trường, các nhóm cổ phiếu có diễn biến tăng giảm xen kẽ và biên độ dao động nhìn chung khá hẹp. Nhóm Thép, nhóm Công nghệ, nhóm Chứng khoán, nhóm Ngân hàng ... có động thái hồi phục và góp phần hỗ trợ cho thị trường.
- ❖ Đà giảm của thị trường được kìm hãm khi thị trường lùi về gần đường MA(200), vùng 1.250 điểm. Thanh khoản giảm so với phiên trước, cho thấy nguồn cung tạm thời hạ nhiệt và giảm sức ép lên thị trường.
- ❖ Động thái hồi phục cuối phiên có thể giúp thị trường có diễn biến hồi phục trong thời gian gần tới. Tuy nhiên, diễn biến hồi phục này có thể chỉ mang tính chất kỹ thuật với vùng cản 1.265 điểm do yếu tố dòng tiền hỗ trợ vẫn còn khá kém. Rủi ro thị trường bị cản và lùi bước từ vùng cản này vẫn còn tiềm ẩn.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- ❖ Quý Nhà đầu tư vẫn cần quan sát diễn biến cung cầu và giữ tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý, tránh rơi vào trạng thái quá mua.
- ❖ Tạm thời vẫn cần cân nhắc đợt hồi phục để cơ cấu danh mục theo hướng giảm thiểu rủi ro.



Thế giới

Vĩ mô

IMF: Đồng yen yếu có lợi cho nền kinh tế Nhật Bản

Trưởng phái đoàn IMF tại Nhật Bản cho biết đồng yen yếu có lợi cho nền kinh tế Nhật Bản do tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu hơn so với sự gia tăng chi phí nhập khẩu. [Xem thêm](#)

Thế giới

Thị trường

Phố Wall tăng điểm chờ kết quả kinh doanh từ các ông lớn công nghệ

Chứng khoán Mỹ tăng điểm vào ngày thứ Hai (28/10), khi nhà đầu tư chờ đợi một loại báo cáo lợi nhuận của các công ty công nghệ vốn hoá lớn để tiếp tục thúc đẩy Nasdaq Composite lên mức đỉnh mới trong tuần này. Tình hình địa chính trị đang dịu đi cũng hỗ trợ tâm lý ưa thích rủi ro. [Xem thêm](#)

Thế giới

Hàng hóa

Sụt hơn 6%, dầu WTI chứng kiến phiên tồi tệ nhất trong 2 năm

Các hợp đồng dầu WTI tương lai bị bán tháo, sụt hơn 6% vào ngày thứ Hai (28/10), ghi nhận phiên tồi tệ nhất trong hơn 2 năm, sau khi các cơ sở năng lượng của Iran không bị hư hại trong các cuộc không kích của Israel vào cuối tuần qua. [Xem thêm](#)

Thế giới

Hàng hóa

Vàng thế giới giảm về gần mốc 2,740 USD

Đà tăng giá vàng tạm chững lại vào ngày thứ Hai (28/10), giảm nhẹ khi lợi suất trái phiếu Mỹ và đồng USD tăng, trong khi nhà đầu tư chờ đợi một loạt dữ liệu kinh tế của Mỹ trong tuần này để có gợi ý về triển vọng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). [Xem thêm](#)

Trong nước

Chính sách

Chính phủ lập Ban chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho các dự án

Ban chỉ đạo có chức năng tổ chức phối hợp liên ngành giúp Thủ tướng nghiên cứu, chỉ đạo và phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án. [Xem thêm](#)

Trong nước

Vĩ mô

Thêm dư địa nơi lỏng chính sách tiền tệ 2025

Khi đã rõ Fed sẽ tiếp tục hạ lãi suất dù mức độ không nhiều, Việt Nam có thể chắc chắn về việc có thêm dư địa để nới lỏng chính sách tiền tệ. Đồng thời, thặng dư thương mại nhờ xuất khẩu tăng trưởng tốt cũng tạo thêm không gian cho việc nới lỏng. [Xem thêm](#)

Trong nước

Tỷ giá

Tỷ giá hôm nay (29/10): Đồng USD thế giới ổn định, “chợ đen” vẫn tiếp tục tăng tiến

Sáng 29/10, tỷ giá trung tâm đồng Việt Nam với USD tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố mức 24.252 VND/USD giảm 3 VND. Trên thị trường Mỹ, chỉ số US Dollar Index (DXY) đo lường biến động đồng bạc xanh với 6 đồng tiền chủ chốt (EUR, JPY, GBP, CAD, SEK, CHF) hiện ở mức 104,3 điểm – tăng 0,05%. [Xem thêm](#)

Sự kiện trong nước

Thời gian	Sự kiện
01/10/2024	Công bố chỉ số quản lý thu mua PMI
06/10/2024	Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 9 và 9 tháng
17/10/2024	Đáo hạn HĐTL tháng 10 (VN30F2410)
21/10/2024	Công bố danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN Diamond

Sự kiện thế giới

Thời gian	Quốc gia	Sự kiện
01/10/2024	Mỹ	Công bố chỉ số PMI sản xuất của Mỹ
01/10/2024	Mỹ	Chủ tịch Fed – Ông Powell phát biểu
02/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho dầu thô của EIA
03/10/2024	Châu Âu	Công bố chỉ số PMI dịch vụ của Châu Âu tháng 9
03/10/2024	Mỹ	Công bố chỉ số PMI dịch vụ của Mỹ tháng 9

LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THỜI GIAN TỚI

Sự kiện thế giới

Thời gian	Quốc gia	Sự kiện
03/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA
04/10/2024	Mỹ	Công bố tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ
09/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho dầu thô của EIA
10/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA
10/10/2024	Châu Âu	ECB công bố chính sách lãi suất và tiền tệ
10/10/2024	Mỹ	Cuộc họp của Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC)
11/10/2024	Anh	Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9
11/10/2024	Mỹ	Chỉ Số Giá PPI tháng 9
15/10/2024	Châu Âu	Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9
17/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA
17/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho dầu thô của EIA
17/10/2024	Mỹ	Công bố doanh số bán lẻ tháng 9
17/10/2024	Mỹ	Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9
18/10/2024	Mỹ	Công bố ngân sách Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed)
23/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho dầu thô của EIA
24/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA
30/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho dầu thô của EIA
30/10/2024	Mỹ	Công bố số sơ bộ GDP Quý 3/2024
31/10/2024	Mỹ	Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA

Kết quả thay đổi danh mục chỉ số VNDIAMOND, VN30 & VNFIN LEAD kỳ Q4/2024

1. Ước tính giá trị giao dịch rổ VN DIAMOND Index

Theo kết quả từ Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) công bố ngày 21/10/2024 vừa rồi, cổ phiếu **VRE** sẽ bị đưa vào danh mục chờ loại ra, thay vào đó cổ phiếu **MWG** được thêm vào. Danh mục của chỉ số mới sẽ bao gồm 19 cổ phiếu, trong đó 10 cổ phiếu thuộc nhóm ngành Ngân hàng sẽ bị áp dụng mức tỷ trọng tối đa cho cả nhóm ngành là 40%. Trong các ETF trên thị trường, hiện có 5 ETF đang sử dụng chỉ số VN DIAMOND làm tham chiếu bao gồm VFM VNDIAMOND, MAFM VNDIAMOND, BVF VNDIAMOND, KIM VNDIAMOND và ABFVN DIAMOND với tổng giá trị tài sản ròng khoảng 13,625 nghìn tỷ đồng tại ngày 18/10/2024.

Riêng quỹ VFMVN DIAMOND có tổng giá trị tài sản lớn nhất, đóng góp gần 95% tổng tài sản các quỹ ETF mô phỏng danh mục này, tương đương gần 13 nghìn tỷ đồng tại ngày 18/10/2024. Cụ thể, tổng giá trị tài sản quỹ đã giảm 24,9% so với đầu năm, trong đó giá trị vốn rút ròng gần 8,782 nghìn tỷ đồng và NAV tăng 26% so với đầu năm.

Bảng 1: Ước tính giá trị giao dịch rổ VN DIAMOND kỳ tháng 10/2024

STT	Mã	Giới hạn tỷ trọng theo FOL	Giới hạn tỷ trọng theo thanh khoản	Giới hạn tỷ trọng Si	Giới hạn tỷ trọng theo vốn hóa	GTVH điều chỉnh	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	Thay đổi tỷ trọng	Mua vào/ Bán ra	KLGDKL (cổ phiếu)	Phiên GD tương đương
1	ACB	100%	100%	100%	20,89%	19.447	9,2%	7,8%	-1,4%	-5.331.692	9.029.250	0,59
2	BMP	75%	100%	100%	100%	2.899	0,4%	1,3%	0,9%	926.137	285.733	3,24
3	CTG	100%	100%	100%	20,89%	5.385	1,9%	1,6%	-0,3%	-967.649	8.714.804	0,11
4	FPT	100%	100%	100%	28,67%	37.752	16,0%	15,1%	-0,9%	-241.608	3.741.466	0,06
5	GMD	100%	100%	100%	100%	20.106	9,9%	7,3%	-2,6%	-4.641.998	716.913	6,47
6	HDB	100%	100%	100%	20,89%	10.454	5,2%	4,4%	-0,8%	-2.856.353	6.832.683	0,42
7	KDH	50%	100%	100%	100%	8.514	2,4%	3,3%	0,9%	4.098.294	3.427.577	1,20
8	MBB	100%	100%	100%	20,89%	13.507	6,6%	5,6%	-1,0%	-3.677.193	14.584.729	0,25
9	MSB	100%	100%	100%	20,89%	5.337	2,7%	2,3%	-0,4%	-2.710.277	7.753.951	0,35
10	MWG	100%	100%	50%	100%	31.370	0,0%	13,9%	13,9%	28.217.147	6.720.618	4,20
11	NLG	100%	100%	100%	100%	10.799	3,2%	4,1%	0,9%	3.563.471	1.400.402	2,54
12	OCB	100%	100%	100%	20,90%	3.391	1,5%	0,9%	-0,6%	-5.583.106	1.580.407	3,53
13	PNJ	100%	100%	100%	100%	26.201	15,0%	9,9%	-5,1%	-6.261.319	982.453	6,37
14	REE	100%	100%	100%	100%	10.795	7,4%	4,4%	-3,0%	-5.465.396	603.069	9,06
15	TCB	100%	100%	100%	20,89%	19.749	9,9%	8,3%	-1,6%	-6.348.637	14.703.209	0,43
16	TPB	100%	100%	100%	20,89%	4.129	2,1%	1,8%	-0,3%	-1.422.975	18.000.380	0,08
17	VIB	100%	100%	100%	20,89%	5.057	2,3%	2,2%	-0,1%	137.063	6.161.727	0,02
18	VPB	75%	100%	100%	20,89%	14.187	4,3%	5,0%	0,7%	5.841.634	26.453.383	0,22
19	VRE	25%	100%	50%	100%	2.532	2,6%	0,8%	-1,8%	-12.046.074	8.718.417	1,38

* Dữ liệu ước tính từ danh mục của các quỹ DCVFM VNDIAMOND, MAFM VNDIAMOND, BVF VNDIAMOND, KIM VNDIAMOND và ABFVN DIAMOND vào ngày 18/10/2024; Nguồn: CTCK Rồng Việt

2. Ước tính giá trị giao dịch rổ VN30 Index

Trong kỳ cơ cấu này, **chỉ số VN30 không có sự thay đổi về cổ phiếu thành phần trong danh mục**. Hiện nay có 4 ETF trên thị trường đang sử dụng chỉ số VNFIN LEAD làm tham chiếu là DC VN30, KIM VN30; SSIAM VN30 và Mirea Asset, có tổng giá trị tài sản khoảng 9,572 nghìn tỷ đồng.

Trong đó quỹ DC VN30 là quỹ có giá trị tài sản lớn nhất, 7,236 nghìn tỷ đồng. So với đầu năm nay, quỹ DC VN30 đã bị rút ròng hơn 1,725 tỷ đồng, khiến tổng giá trị tài sản của quỹ đã giảm nhẹ -4,15% do được bù đắp bởi tăng trưởng hiệu suất đầu tư là **18,7%** so với đầu năm.

Chúng tôi ước tính tỷ trọng danh mục chỉ số và giao dịch của các quỹ như sau:

Mua vào: VHM (+1,4 triệu cổ phiếu), ... ; **Bán ra: VPB** (- 2,9 triệu cổ phiếu), **POW** (-1,0 triệu cổ phiếu), ...

Bảng 2: Ước tính giá trị giao dịch rổ VN30 kỳ tháng 10/2024

STT	Mã	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	+ / -	Mua vào /Bán ra	KLGDKL	Phiên GD tương đương	STT	Mã	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	+ / -	Mua vào /Bán ra	KLGDKL	Phiên GD tương đương
1	ACB	7,58%	7,60%	0,02%	-131.923	9.029.250	0,01	24	SAB	0,52%	0,60%	0,08%	128.351	680.985	0,19
2	BCM	0,38%	0,20%	-0,18%	-252.232	418.268	0,60	25	SHB	2,48%	2,40%	-0,08%	-651.069	14.934.077	0,04
3	BID	0,86%	0,80%	-0,06%	-192.280	2.074.769	0,09	26	SSB	2,08%	2,20%	0,12%	521.716	2.233.836	0,23
4	BVH	0,26%	0,20%	-0,06%	-102.545	428.495	0,24	27	SSI	2,49%	2,70%	0,21%	559.896	14.658.701	0,04
5	CTG	2,08%	2,10%	0,02%	-78.677	8.714.804	0,01	28	STB	4,86%	4,80%	-0,06%	-242.895	12.340.622	0,02
6	FPT	9,66%	10,10%	0,44%	230.256	3.741.466	0,06	29	TCB	8,04%	8,10%	0,06%	-176.389	14.703.209	0,01
7	GAS	0,63%	0,60%	-0,03%	-44.747	1.166.114	0,04	30	TPB	1,71%	1,70%	-0,01%	-228.482	18.000.380	0,01
8	GVR	0,47%	0,40%	-0,07%	-108.798	2.516.193	0,04	31	VCB	4,24%	4,10%	-0,14%	-162.605	1.268.301	0,13
9	HDB	4,20%	4,30%	0,10%	209.203	6.832.683	0,03	32	VHM	4,31%	5,00%	0,69%	1.383.883	12.030.736	0,12
10	HPG	6,82%	6,80%	-0,02%	-394.524	21.275.883	0,02	33	VIB	1,90%	2,10%	0,20%	900.163	6.161.727	0,15
11	MBB	5,40%	5,40%	0,00%	-249.258	14.584.729	0,02	34	VIC	3,30%	3,50%	0,20%	306.352	2.891.231	0,11
12	MSN	3,66%	3,80%	0,14%	86.793	3.700.771	0,02	35	VJC	2,20%	2,30%	0,10%	31.999	771.955	0,04
13	MWG	5,43%	5,60%	0,17%	144.804	6.720.618	0,02	36	VNM	4,08%	4,10%	0,02%	-8.982	3.343.840	-
14	PLX	0,41%	0,40%	-0,01%	57.117	1.303.274	0,04	37	VPB	7,08%	6,50%	-0,58%	-2.986.883	26.453.383	0,11
15	POW	0,50%	0,40%	-0,10%	-1.029.105	5.380.350	0,19	38	VRE	1,28%	1,20%	-0,08%	-351.212	8.718.417	0,04

* Dữ liệu ước tính từ danh mục của các quỹ VFM VN30, SSIAM VN30, KIM VN30 và MAFM VN30 vào ngày 18/10/2024

Nguồn: CTCK Rong Việt

3. Ước tính giá trị giao dịch rổ VNFIN LEAD Index

Trong kỳ cơ cấu này, **chỉ số VNFIN LEAD không có sự thay đổi về cổ phiếu thành phần trong danh mục**. Hiện nay chỉ có một quỹ duy nhất dùng chỉ số này làm tham chiếu là SSIAM FIN LEAD.

Với sự rút ròng mạnh từ đầu năm, ước tính giá trị rút ròng ra khỏi quỹ SSIAM FIN LEAD lên đến hơn 2,1 nghìn tỷ. Do vậy mặc dù hiệu suất đầu từ khá tốt so với đầu năm +17,2%, nhưng do mức rút ròng quá lớn nên hiện tại tổng giá trị của quỹ chỉ còn hơn 588 tỷ đồng tại ngày 30/09/2024, giảm 74,5% so với đầu năm.

Chúng tôi ước tính tỷ trọng danh mục chỉ số và giao dịch của các quỹ như sau:

Mua vào: CTG (+1,2 triệu cổ phiếu), ...

Bán ra: TCB (- 1,1 triệu cổ phiếu), **STB** (-1,0 triệu cổ phiếu), ...

Bảng 3: Ước tính giá trị giao dịch rổ VNFIN LEAD kỳ tháng 10/2024

STT	Mã	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	+ / -	Mua vào /Bán ra	KLGDKL	Phiên GD tương đương
1	ACB	8,2%	5,4%	-2,8%	-667.058	9.029.250	0,07
2	BID	0,2%	5,4%	5,2%	589.907	2.074.769	0,28
3	CTG	2,1%	10,0%	7,9%	1.239.423	8.714.804	0,14
4	EIB	3,6%	1,4%	-2,2%	-673.214	5.929.761	0,11
5	HCM	0,7%	1,2%	0,5%	93.775	11.622.237	0,01
6	HDB	3,8%	2,9%	-0,9%	-204.797	6.832.683	0,03
7	LPB	5,4%	1,0%	-4,4%	-803.012	2.013.415	0,40
8	MBB	9,2%	9,9%	0,7%	113.997	14.584.729	0,01
9	MSB	1,8%	0,7%	-1,1%	-487.015	7.753.951	0,06
10	NAB	0,2%	0,1%	-0,1%	-43.837	3.254.308	0,01
11	OCB	0,2%	0,2%	0,0%	-13.017	1.580.407	0,01
12	SHB	3,5%	2,2%	-1,3%	-743.780	14.934.077	0,05

STT	Mã	Tỷ trọng cũ	Tỷ trọng mới	+ / -	Mua vào /Bán ra	KLGDKL	Phiên GD tương đương
13	SSB	0,4%	0,5%	0,1%	39.408	2.233.836	0,02
14	SSI	8,5%	8,9%	0,4%	39.921	14.658.701	-
15	STB	12,2%	6,1%	-6,1%	-1.028.782	12.340.622	0,08
16	TCB	13,7%	9,3%	-4,4%	-1.102.032	14.703.209	0,07
17	TPB	1,3%	1,6%	0,3%	92.110	18.000.380	0,01
18	VCB	2,5%	15,0%	12,5%	773.098	1.268.301	0,61
19	VCI	1,3%	1,4%	0,1%	10.671	7.257.591	-
20	VIB	1,1%	1,5%	0,4%	123.671	6.161.727	0,02
21	VIX	2,5%	1,4%	-1,1%	-593.376	17.519.849	0,03
22	VND	2,9%	3,3%	0,4%	109.938	11.094.033	0,01
23	VPB	12,4%	10,4%	-2,0%	-645.214	26.453.383	0,02

* Dữ liệu ước tính từ danh mục SSIAM VN FIN LEAD ETF ngày 18/10/2024,

Nguồn: CTCK Rồng Việt

4. Tổng hợp các giá trị giao dịch cơ cấu ETF kỳ tháng 10/2024

Một số mốc thời gian đáng chú ý trong thời gian tới gồm: Ngày hoàn thành cơ cấu danh mục: **01/11/2024** và Ngày chỉ số mới có hiệu lực: **04/11/2024**

Tổng hợp thay đổi về số lượng cổ phiếu mua bán của các quỹ ETF liên quan đến các chỉ số **VN DIAMOND, VN30** và **VNFIN LEAD** như sau:

Bảng 4: Tổng hợp ước tính giá trị giao dịch cơ cấu ETF kỳ tháng 10/2024

STT	Mã	VN30	VNFIN LEAD	VN DIAMOND	Tổng lượng CP Mua vào/Bán ra	KLGDKL (cổ phiếu)	Số phiên GD tương đương
1	MWG	144.804	0	28.217.147	28.361.951	6.720.618	4,22
2	KDH	0	0	4.098.294	4.098.294	3.427.577	1,20
3	NLG	0	0	3.563.471	3.563.471	1.400.402	2,54
4	VPB	-2.986.883	-645.214	5.841.634	2.209.537	26.453.383	0,08
5	VHM	1.383.883	0	0	1.383.883	12.030.736	0,12
6	VIB	900.163	123.671	137.063	1.160.897	6.161.727	0,19
7	BMP	0	0	926.137	926.137	285.733	3,24
8	VCB	-162.605	773.098	0	610.493	1.268.301	0,48
9	SSI	559.896	39.921	0	599.817	14.658.701	0,04
10	SSB	521.716	39.408	0	561.124	2.233.836	0,25
11	BID	-192.280	589.907	0	397.627	2.074.769	0,19
12	VIC	306.352	0	0	306.352	2.891.231	0,11
13	CTG	-78.677	1.239.423	-967.649	193.097	8.714.804	0,02
14	SAB	128.351	0	0	128.351	680.985	0,19
15	VND	0	109.938	0	109.938	11.094.033	0,01
16	HCM	0	93.775	0	93.775	11.622.237	0,01
17	MSN	86.793	0	0	86.793	3.700.771	0,02
18	PLX	57.117	0	0	57.117	1.303.274	0,04
19	VJC	31.999	0	0	31.999	771.955	0,04
20	VCI	0	10.671	0	10.671	7.257.591	-
21	CMG	0	0	0	0	507.793	-
22	VNM	-8.982	0	0	-8.982	3.343.840	-
23	FPT	230.256	0	-241.608	-11.352	3.741.466	-

STT	Mã	VN30	VNFIN LEAD	VN DIAMOND	Tổng lượng CP Mua vào/Bán ra	KLGDKL (cổ phiếu)	Số phiên GD tương đương
24	NAB	0	-43.837	0	-43.837	3.254.308	0,01
25	GAS	-44.747	0	0	-44.747	1.166.114	0,04
26	BVH	-102.545	0	0	-102.545	428.495	0,24
27	GVR	-108.798	0	0	-108.798	2.516.193	0,04
28	BCM	-252.232	0	0	-252.232	418.268	0,60
29	HPG	-394.524	0	0	-394.524	21.275.883	0,02
30	VIX	0	-593.376	0	-593.376	17.519.849	0,03
31	EIB	0	-673.214	0	-673.214	5.929.761	0,11
32	LPB	0	-803.012	0	-803.012	2.013.415	0,40
33	POW	-1.029.105	0	0	-1.029.105	5.380.350	0,19
34	STB	-242.895	-1.028.782	0	-1.271.677	12.340.622	0,10
35	SHB	-651.069	-743.780	0	-1.394.849	14.934.077	0,09
36	TPB	-228.482	92.110	-1.422.975	-1.559.347	18.000.380	0,09
37	HDB	209.203	-204.797	-2.856.353	-2.851.947	6.832.683	0,42
38	MSB	0	-487.015	-2.710.277	-3.197.292	7.753.951	0,41
39	MBB	-249.258	113.997	-3.677.193	-3.812.454	14.584.729	0,26
40	GMD	0	0	-4.641.998	-4.641.998	716.913	6,47
41	REE	0	0	-5.465.396	-5.465.396	603.069	9,06
42	OCB	0	-13.017	-5.583.106	-5.596.123	1.580.407	3,54
43	ACB	-131.923	-667.058	-5.331.692	-6.130.673	9.029.250	0,68
44	PNJ	0	0	-6.261.319	-6.261.319	982.453	6,37
45	TCB	-176.389	-1.102.032	-6.348.637	-7.627.058	14.703.209	0,52
46	VRE	-351.212	0	-12.046.074	-12.397.286	8.718.417	1,42

Nguồn: CTCK Rồng Việt

Sàn giao dịch	Mã cổ phiếu	Vốn hoá (nghìn tỷ đ)	Giá hiện tại (VND)	Giá mục tiêu (VND)	LN kỳ vọng (%)	Tăng trưởng DT (%)		Tăng trưởng LNST		P/E		P/B
						2023	2024F	2023	2024F	2023	2024F	Hiện tại
HOSE	LHG	1,8	35.800	59.000	64,8%	-37,2	27,7	-25,5	15,9	10,8	9,3	1,1
HOSE	KBC	20,0	26.100	41.600	59,4%	491,3	10,0	34,7	-2,9	9,9	10,2	1,1
UPCoM	NTC	4,6	192.500	285.000	48,1%	-12,3	-33,3	15,9	-38,8	15,4	25,2	4,8
HOSE	SIP	14,8	70.500	101.600	44,1%	10,6	12,6	-5,1	19,9	15,4	12,8	3,8
HOSE	GMD	25,9	62.500	87.800	40,5%	-1,3	8,0	123,5	-30,7	8,5	13,8	2,4
HOSE	DPR	3,3	38.350	53.300	39,0%	-14,0	11,6	-15,3	38,1	16,1	11,7	1,3
HOSE	VIB	54,4	18.250	23.900	31,0%	22,7	2,5	1,1	2,8	5,4	6,2	1,4
HOSE	PVD	14,3	25.800	33.200	28,7%	7,0	31,8	-662,8	23,6	24,8	20,0	0,9
HOSE	HPG	171,1	26.750	34.000	27,1%	-15,9	22,5	-19,4	76,3	22,8	15,1	1,6
HOSE	PHR	7,5	55.000	71.000	29,1%	-20,9	29,7	-30,3	5,1	12,0	11,4	2,0
HOSE	KDH	33,9	33.500	42.400	26,6%	4,3	124,7	9,3	36,8	37,0	35,0	2,1
HOSE	SCS	7,1	74.400	95.600	28,5%	-17,2	38,2	-22,9	32,3	15,1	11,9	4,8
HOSE	VNM	140,4	67.200	86.500	28,7%	0,7	6,4	4,2	13,2	17,7	14,0	4,1

Xu hướng ngắn hạn: ■ Tăng ■ Sideway ■ Giảm

Ngày	Mã cổ phiếu	Bình luận kỹ thuật mới
29/10	ACB	Nhịp điều chỉnh được tìm thấy khi ACB lùi về gần vùng MA(100), vùng 24,7, và hồi phục. Tín hiệu này có thể giúp ACB có nhịp hồi phục kỹ thuật và kiểm tra lại vùng quanh MA(20), vùng 25,5 - 26. Do vậy, tạm thời cần nhắc nhịp hồi phục để chốt lời ngắn hạn hoặc giảm ý trọng đối với ACB.
	HAH	Nổi dài đà tăng sau khi giữ được hỗ trợ là đường SMA 50 ngày (quanh 41), HAH đã gần như phủ nhận hoàn toàn nhịp rung lắc bắt đầu từ 14/10/2024. Phổ nền tăng tốt, đóng cao nhất ngày và thanh khoản cải thiện đáng kể đã phản ánh sự kỳ vọng của dòng tiền đối với xu hướng hiện tại của cổ phiếu. Hiện tại, vùng đỉnh tháng 07/2024 (quanh 46) đang là mục tiêu mà HAH hướng tới.
	NKG	Mặc dù việc hỗ trợ về mặt thông tin đã giúp NKG sớm cải thiện cả về biên độ nền và thanh khoản nhưng sắc xanh này đã không thể duy trì xuyên suốt. Việc áp sát kháng cự là SMA 20 ngày (quanh 21,5) đã khiến lực cầu trở nên hụt hơi, từ đó khiến cho phần lớn đà tăng bị đẩy lùi, thể hiện qua bóng nến trên dài. Kết quả này phản ánh sự kỳ vọng của thị trường đối với NKG vẫn còn khá hạn chế. Hiện tại, hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu là vùng giá quanh 20 (đáy tháng 08/2024) trong khi vùng giá 22,5 (đỉnh tháng 08 và 10/2024) sẽ là mục tiêu.
	REE	REE có 5 phiên kiểm tra vùng MA(150), vùng 63,3, sau đợt điều chỉnh. Động thái này cho thấy diễn biến điều chỉnh đang được tìm thấy, đồng thời có thể giúp REE có nhịp hồi phục kỹ thuật và kiểm tra lại vùng quanh MA(20), vùng 64,5 - 65,5. Do vậy, tạm thời cần nhắc nhịp hồi phục để chốt lời ngắn hạn hoặc giảm ý trọng đối với REE.
	SAB	Đà giảm được tìm thấy khi SAB lùi về vùng 55,3, vùng biên dưới của kênh giá 55,3 - 58,5. Vùng này có thể giúp SAB có nhịp hồi phục để tiếp tục quá trình thăm dò kênh giá này. Tuy nhiên, diễn biến gần đây của SAB khá trầm lắng sau nỗ lực vượt cản không thành. Trong ngắn hạn vẫn cần cân nhắc áp lực cản của vùng biên giữa là vùng 56,5 - 57,3. Do vậy tạm thời cần nhắc nhịp hồi phục để chốt lời ngắn hạn hoặc giảm ý trọng đối với SAB.
	VHC	VHC vẫn đang duy trì diễn biến thu hẹp dần biên độ với cận dưới là trendline tăng (bắt đầu từ tháng 08/2024) và cận trên là vùng đỉnh tháng 03, 05 và 06/2024 (vùng 74 - 75). Cùng với đó, thanh khoản và biên độ giảm khi lùi sát về trendline trên cho thấy áp lực cung đã có sự hạ nhiệt tại đây. Với kết quả này, kỳ vọng VHC sẽ sớm mở ra nhịp tăng hướng về cản 74 - 75 một lần nữa.
	VNIndex	VN-Index được hỗ trợ nhẹ khi lùi về gần đường MA(200), vùng 1.250 điểm. Dự kiến chỉ số sẽ có diễn biến hồi phục trong thời gian gần tới. Tuy nhiên, diễn biến hồi phục này có thể chỉ mang tính chất kỹ thuật với vùng cản 1.265 điểm do yếu tố dòng tiền hỗ trợ vẫn còn khá kém. Rủi ro VN-Index bị cản và lùi bước từ vùng cản này vẫn còn tiềm ẩn.

Ngày KN	Mã	Giá Hiện tại	Giá KN MUA	Mục tiêu Ngắn hạn 1	Mục tiêu Ngắn hạn 2	Cắt lỗ	Giá đóng vị thế	Lãi/ Lỗ	Trạng thái	Biến động VN-Index (*)
25/10	MSN	77,90	77,20	82,00	88,00	71,80		0,9%		-0,2%
25/10	VIB	18,25	18,25	19,50	21,00	16,90		0,0%		-0,2%
18/10	DPG	57,70	55,90	61,00	67,00	53,30		3,2%		-2,5%
16/10	VCB	92,00	91,50	97,00	103,00	84,80		0,5%		-2,6%
14/10	SAB	55,50	57,20	62,00	67,00	54,30		-3,0%		-2,6%
10/10	POW	11,95	12,90	14,00	15,50	12,20	12,20	-5,4%	Đóng 24/10	-1,9%
09/10	PVI	48,00	46,00	49,00	52,00	43,70		4,3%		-1,4%
08/10	DPR	38,35	40,90	43,50	46,00	37,90		-6,2%		-1,2%
20/09	PVS	37,90	40,60	44,00	48,00	37,90	39,50	-2,7%	Đóng 16/10	0,6%
18/09	REE	63,30	65,00	69,00	73,00	60,90		-2,6%		-0,3%
12/09	PHR	55,00	57,80	63,00	68,00	54,80		-4,8%		0,1%
10/09	SSI	26,80	32,20	35,00	37,00	30,70	33,80	5,0%	Đóng 20/09	0,3%
09/09	DCM	37,40	37,00	40,00	43,00	35,30	38,50	4,1%	Đóng 02/10	1,1%
29/08	POW	11,95	13,60	14,70	15,80	12,70	12,70	-6,6%	Đóng 16/09	-3,3%
27/08	BID	47,50	49,10	52,50	56,00	46,30	49,40	0,6%	Đóng 14/10	0,5%
26/08	ACB	25,15	24,40	26,50	28,00	23,30		3,1%		-2,4%
23/08	NLG	39,10	40,30	44,00	47,50	38,40	41,60	3,2%	Đóng 02/10	0,4%
22/08	VIB	18,25	18,40	19,70	20,70	17,40	19,05	3,5%	Đóng 14/10	0,2%
20/08	IJC	13,30	13,70	14,80	16,30	12,90	13,40	-2,2%	Đóng 04/10	0,7%
14/08	VCB	92,00	88,00	93,00	97,00	84,80		4,5%		2,0%
Hiệu quả Trung bình								0,0%		-0,6%

(*) Biến động VN-Index tính từ ngày Khuyến nghị đến ngày đóng vị thế. làm cơ sở so sánh hiệu quả khuyến nghị.

TÀI KHOẢN MỚI MARGIN HỜI

Đến hết 31/12/2024

Lãi suất chỉ

8.888%
Năm

Tải iDragon
mở tài khoản ngay!



Dư nợ ưu đãi tối đa 5 tỷ đồng/khách hàng/ngày

Thời hạn tối đa 03 tháng (kể từ ngày kích hoạt)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM
☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn
☎ (+84) 28 6291 7986 🌐 www.vdsc.com.vn
MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội
☎ (+84) 24 6288 2006
☎ (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, số 76 Quang Trung,
P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (+84) 25 8382 0006
☎ (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ
☎ (+84) 29 2381 7578
☎ (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

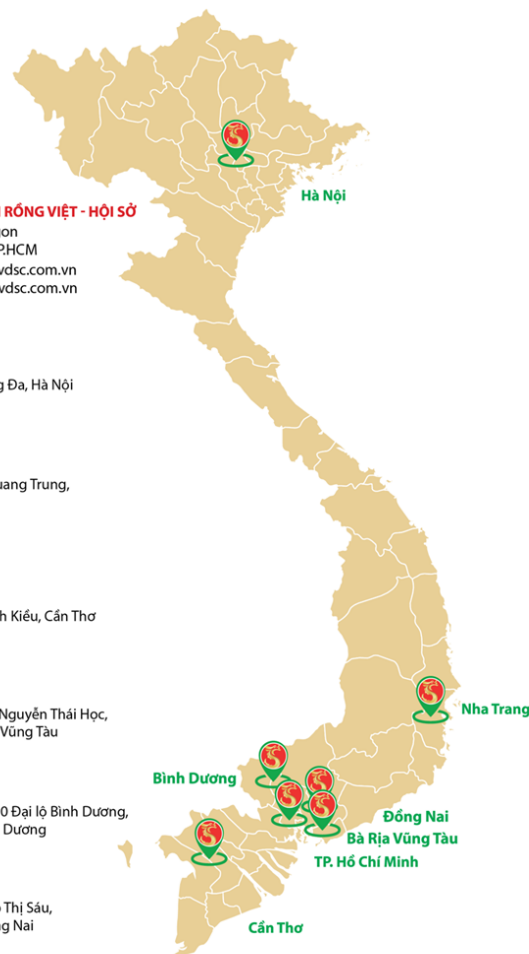
Tầng 2, Tòa nhà VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
☎ (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
☎ (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8, Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
☎ (+84) 25 1777 2006



TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. RongViet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được RongViet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của RongViet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc RongViet Securities.**

PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Nguyễn Đại Hiệp

Giám đốc

hiep.nd@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006 (1331)

Nguyễn Huy Phương

Trưởng phòng cao cấp

phuong.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006 (1241)

Nguyễn Minh Hiếu

Trưởng phòng

hieu1.nm@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006 (2226)

Lê Huỳnh Hương

Chuyên viên

huong.lh@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006

Đoàn Hoàng Gia Bảo

Chuyên viên

bao.dhg@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006

Trần Trung Hiếu

Chuyên viên

hieu1.tt@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006

Nguyễn Trần Gia Hưng

Chuyên viên

hung.ntg@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006